

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 206/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Đ – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Xuân D (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Đ: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt);

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bạch T, sinh năm 1978 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số A, đường T, khóm D, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Nhã L, sinh năm 2003 (Vắng mặt);
Địa chỉ cư trú: Số A, đường T, khóm D, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Nguyễn Tuyết L1, sinh năm 1995 (Vắng mặt);
Địa chỉ cư trú: Số B, khu V, phường A, Quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1953 (Vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1952 (Vắng mặt);
Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị Bạch T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của bà Lâm Thị Đ và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Hộ kinh doanh Huỳnh Xuân D do bà Lâm Thị Đ làm chủ hộ chuyên cung cấp thuốc thủy sản, mua bán thức ăn thủy sản tại xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình kinh doanh, do vợ chồng ông Nguyễn Quốc K và bà Huỳnh Thị Bạch T nuôi tôm công nghiệp nên có mua thuốc, thức ăn thủy sản của H kinh doanh Huỳnh Xuân D, cụ thể:

Từ ngày 21/11/2018 đến ngày 17/6/2019, H kinh doanh Huỳnh Xuân D đã nhiều lần bán thức ăn thủy sản cho ông K với nhiều mặt hàng khác nhau. Tính đến ngày 17/6/2019, đôi bên tiến hành đối chiếu công nợ, theo đó ông K còn nợ của H kinh doanh Huỳnh Xuân D với tổng số tiền 274.981.000 đồng, ông K có viết giấy chốt nợ.

Sau khi chốt nợ, ông K tiến hành nuôi thêm vụ tôm mới, do ông K làm ăn đã lâu, muốn tạo điều kiện để ông K tiếp tục nuôi vụ tôm mới để có tiền thanh toán nợ, nên H kinh doanh Huỳnh Xuân D tiếp tục bán thuốc, thức ăn thủy sản cho ông K. Sau khi nuôi được khoảng 01 tháng thì ông K chết, bà T là vợ ông K tiếp tục mua thuốc, thức ăn để tiếp tục vụ nuôi.

Sau khi kết thúc vụ nuôi, ngày 12/10/2020 giữa H kinh doanh với bà T tiến hành đối chiếu công nợ, theo đó vụ mới ông K, bà T tiếp tục nợ của H kinh doanh Huỳnh Xuân D số tiền 110.420.000 đồng. Ngày 20/10/2020, bà T có gửi lại một số loại thuốc, thức ăn đã mua trước đó nhưng không sử dụng hết, quy ra thành tiền là 18.824.000 đồng. Như vậy, số tiền ông K, bà T còn nợ đối với lần này là 91.596.000 đồng. Việc ông K mua thuốc, thức ăn thủy sản tại H kinh doanh Huỳnh Xuân D, bà T biết việc này có hứa sẽ thanh toán nợ nhưng đến nay chưa thanh toán.

Do đó, bà Đ là chủ hộ kinh doanh Huỳnh Xuân D khởi kiện yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông K gồm bà Huỳnh Thị Bạch T (vợ ông K), ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị U (cha, mẹ ông K); Nguyễn Tuyết L1, Nguyễn Nhã L (con ông K) có trách nhiệm liên đới thanh toán cho H kinh doanh Huỳnh Xuân D với tổng số tiền 366.577.000 đồng.

- Theo bà Huỳnh Bạch T trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Quốc K, ông K đã chết năm 2020. Khi còn sống, ông K có cư trú cùng địa chỉ với bà tại nhà số A, đường T, khóm D, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị U là cha, mẹ ruột của ông K; Nguyễn Tuyết L1 và Nguyễn Nhã L là con chung của bà và ông K.

Đối với khoản nợ 91.596.000 đồng nguyên đơn yêu cầu là khoản nợ riêng của bà nợ H kinh doanh Huỳnh Xuân D, do bà trực tiếp mua thức ăn, thuốc thủy sản của nguyên đơn. Bà đồng ý nhận trách nhiệm thanh toán khoản nợ này cho nguyên đơn.

Đối với khoản nợ số tiền 274.981.000 đồng, bà không đồng ý thanh toán nợ cho nguyên đơn vì thời gian ông Nguyễn Quốc K còn sống, bà và ông K đã sống ly thân nên giao dịch của ông K bà không biết. Bà có biết ông K nuôi thủy sản, có mua thức ăn thủy sản nhưng cụ thể như thế nào bà không được biết. Thu nhập của ông K thì ông K không có đưa tiền cho bà, ông K cũng không nói gì với bà về việc làm ăn của ông K. Bà tự làm tự sống, không liên quan tiền bạc với ông K nên không đồng ý thanh toán khoản nợ số tiền 274.981.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Đối với ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị U trình bày:

Ông B, bà U cho rằng tranh chấp hợp đồng mua bán giữa Hộ kinh doanh Huỳnh Xuân D với bà T, ông bà không có liên quan gì.

- Đối với chị Nguyễn Nhã L, Nguyễn Tuyết L1:

Chị Nhã L và chị Tuyết L1 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Đ – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Xuân D về việc: Buộc bà Huỳnh Thị Bạch T có trách nhiệm thanh toán nợ cho bà Lâm Thị Đ – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Xuân D với tổng số tiền 366.577.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Đ – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Xuân D về việc buộc ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Ú, Nguyễn Tuyết L1, Nguyễn Nhã L liên đới thanh toán tổng số tiền 366.577.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/6/2024, bà Huỳnh Thị Bạch T có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn về việc buộc bà có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ 274.981.000 đồng; bà T chỉ đồng ý trả số tiền nợ 91.596.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị Bạch T giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà T không có ý kiến tranh luận.

Ông N phát biểu: Khoản nợ 274.981.000 đồng của H kinh doanh Huỳnh Xuân D mà ông K ký chốt nợ phát sinh do mua thức ăn, thuốc thủy sản thời gian từ năm 2018 – 2019 – 2020. Bà T cho rằng bà và ông K ly thân nhưng hai người vẫn sống chung nhà, bà T cũng biết việc ông K mua thức ăn, thuốc thủy sản của H kinh doanh Huỳnh Xuân D; đây là nợ chung của vợ chồng ông K và bà T, nên bà T phải có trách nhiệm trả nợ. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Bạch T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị Bạch T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc ông Nguyễn Quốc K và bà T mua thức ăn tôm, thuốc thủy sản còn nợ tiền của H kinh doanh Huỳnh Xuân D do bà Lâm Thị Đ làm chủ hộ là có thực tế.

[2] Đối với khoản nợ số tiền 91.596.000 đồng, bà T thừa nhận đây là khoản nợ riêng của bà T và đồng ý trả nợ cho H kinh doanh Huỳnh Xuân D, bà T cũng không kháng cáo đối với quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà T trả khoản nợ này, nên không đặt ra để xem xét.

[3] Đối với khoản nợ số tiền 274.981.000 đồng, bà T cho rằng đây là nợ riêng của ông K, không liên quan đến bà vì bà và ông K đã ly thân với nhau, không còn liên quan với nhau về tiền bạc, kinh tế chung của gia đình, nên bà không đồng ý trả khoản nợ này. Xét thấy: Tại phiên toà, bà T xác định bà T và ông K ly thân với nhau khoảng năm 2017, nhưng bà T và ông K vẫn sống chung nhà. Đến thời điểm ông K chết, giữa bà T và ông K vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân là vợ chồng, chưa có bản án hoặc quyết định của Tòa án cho bà T và ông K ly hôn với nhau. Trong khi đó, khoản nợ 274.981.000 đồng nêu trên phát sinh do ông K mua thức ăn tôm, thuốc thủy sản của H kinh doanh Huỳnh Xuân D trong khoảng thời gian từ ngày 21/11/2018 đến ngày 17/6/2019, trong thời gian giữa bà T và ông K đang là vợ chồng với nhau. Hơn nữa, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau cũng thể hiện: Ngày 22/7/2019, ngày 04/12/2019, bà T và ông K cùng ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 Chi nhánh Đ2 và ký hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất đứng tên bà Huỳnh Thị Bạch T, mục đích vay nuôi trồng thủy sản; Ngày 04/01/2019, bà T và ông K cùng ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ3 – Chi nhánh C và ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đứng tên bà Huỳnh Thị Bạch T. Như vậy, xét lời trình bày của bà T cho rằng bà T và ông K đã ly thân từ năm 2017, không còn liên quan với nhau về tiền bạc, kinh tế chung của gia đình là không có căn cứ.

[4] Xét về nghĩa vụ thanh toán nợ của bà T đối với khoản nợ 274.981.000 đồng mà ông K đã ký chốt nợ với H kinh doanh Huỳnh Xuân D” thấy rằng: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 260/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã tuyên giao toàn bộ phần di sản của ông K chết để lại cho bà T quản lý; Ông B, bà U, chị Nhã L và chị Tuyết L1 cũng không yêu cầu chia thừa kế phần di sản thừa kế của ông K để lại. Do bà T vừa là người có nghĩa vụ thanh toán nợ, vừa là người quản lý phần di sản thừa kế của ông K để lại nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ trên, mà không buộc ông B, bà U, chị Nhã L, Tuyết L1 có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ là phù hợp.

[5] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo bà Huỳnh Thị Bạch T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm bà T phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Bạch T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Đ – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Xuân D.

Buộc bà Huỳnh Thị Bạch T có trách nhiệm trả cho Lâm Thị Đ – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Xuân D tổng số tiền là 366.577.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Đ – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Xuân D về việc buộc ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị U', Nguyễn Tuyết L1, Nguyễn Nhã L có trách nhiệm liên đới với bà Huỳnh Thị Bạch T trả cho bà Lâm Thị Đ – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Xuân D1 số tiền 366.577.000 đồng.

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Bạch T phải chịu số tiền 18.329.000 đồng. Bà Lâm Thị Đ không phải chịu án phí. Ngày 28/11/2023, bà Đ đã dự nộp 9.164.000 đồng theo biên lai thu số 0007717 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 24/6/2024, bà T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008892 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập